SAO Y
Ủy ban Nhân dân huyện Cầu Ngang
Thời gian ký: 10/03/2022 13:35:56 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29 /KH-UBND	*Cầu Ngang, ngày 10 tháng 3 năm 2022*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Cầu Ngang

Thực hiện Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang xây dựng kế hoạch thực hiện với một số nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Cầu Ngang (gọi tắt là Chương trình) nhằm đạt được các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2. Yêu cầu

- Xác định nội dung, công việc, tiến độ, trách nhiệm của các phòng, ban ngành huyện có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong việc triển khai thực hiện Chương trình nhằm đảm bảo tính liên tục, liên kết giữa các nhiệm vụ, các hoạt động của Chương trình.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác triển khai thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chủ trì quản lý Chương trình (Ban Dân tộc tỉnh).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng đồng bào DTTS; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng đồng bào DTTS so với bình quân chung của huyện; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT - XH đồng bộ; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo,

y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước. Đến năm 2025, huyện không còn ấp, xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK).

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình cùng với các chương trình, dự án và nguồn lực khác, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người DTTS tăng lên trên 80 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS giảm từ 3 - 4%/năm. Đến năm 2025 huyện không còn xã ĐBKK;

- 100% ấp có đường ôtô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; tỷ lệ hộ dân tộc khmer được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 99%; sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt trên 99,7%; 100% đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh; cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở các xã và ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS;

- Phấn đấu hỗ trợ đạt 100% đối tượng hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã, ấp ĐBKK, chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở tạm, dột nát được hỗ trợ đất ở, nhà ở;

- Tỷ lệ học sinh Khmer đi học trong độ tuổi: Cấp tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở 99%, trung học phổ thông đạt trên 80%;

- Tỷ lệ dân số người Khmer tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên;

- Trên 70% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS; phấn đấu đạt trên 80% người lao động có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề;

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% ấp có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% ấp có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS, nhất là các DTTS tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương.

2.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu

- Nhựa hóa, bê tông hóa hoặc cứng hóa đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, đời sống của Nhân dân;

- Giải quyết nhu cầu cấp thiết của hộ DTTS, trong đó: Hỗ trợ đất ở cho 42 hộ; nhà ở cho 360 hộ; chuyển đổi nghề cho 164 hộ; nước sinh hoạt phân tán cho 121 hộ;

- Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất da dạng hóa sinh kế phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin góp phần giảm nghèo thông tin; hỗ trợ, tạo điều kiện cho 66 người có uy tín trong cộng đồng làm hạt nhân chính trị, nòng cốt ở cơ sở; bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi của Chương trình: Trên địa bàn các xã, ấp vùng đồng bào DTTS; trong đó, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho các địa bàn xã, ấp ĐBKK vùng đồng bào DTTS.

2. Đối tượng của Chương trình: Xã, ấp vùng đồng bào DTTS; hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, ấp ĐBKK; doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, ấp ĐBKK.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Triển khai thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến công tác dân tộc; trọng tâm là thực hiện Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; gắn với thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới; Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/11/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

2. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết

định số 369/QĐ-UBND ngày 14/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm các nội dung sau:

(1) Hỗ trợ đạt 100% đối tượng hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã, ấp ĐBKK, chưa có đất ở, nhà ở hoặc có nhà ở tạm, dột nát được hỗ trợ đất ở, nhà ở; hỗ trợ chuyển đổi nghề; hỗ trợ hộ chưa sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành được hỗ trợ nước sinh hoạt phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tiễn của người DTTS và địa bàn sinh sống;

(2) Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất da dạng hóa sinh kế phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật;

(3) Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số;

(4) Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình;

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát kết hợp nắm tình hình; chủ động phát hiện những vi phạm, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong quá trình triển khai thực hiện chính sách dân tộc;

4. Tăng cường và nâng cao chất lượng thông tin, chế độ báo cáo thực hiện tốt cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin trong công tác chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện.

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Dự kiến tổng mức vốn để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 là 92.864.000.000 đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách trung ương: 60.588.000.000 đồng, bao gồm:

- Vốn đầu tư: 24.000.000.000 đồng.

- Vốn sự nghiệp: 36.588.000.000 đồng.

2. Vốn ngân sách tỉnh: 1.788.000.000 đồng, bao gồm:

- Vốn sự nghiệp: 1.788.000.000 đồng.

3. Vốn vay tín dụng chính sách: 30.488.000.000 đồng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Dân tộc:

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành huyện có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành huyện có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số xây dựng kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm của Chương trình. Phối hợp với phòng Tài chính Kế hoạch

tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ vốn chi tiết trung hạn và hàng năm của Chương trình;

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban ngành huyện có liên quan xây dựng, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm sau khi được UBND tỉnh phê duyệt để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình;

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo phối hợp với các phòng, ban ngành huyện, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương. Đồng thời tham mưu UBND huyện sơ, tổng kết Chương trình theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Tổng hợp nhu cầu vốn, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch 05 năm và kế hoạch hằng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật;

- Cân đối, bố trí đủ vốn phân bổ cho Chương trình, theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đồng thời hướng dẫn giải ngân và thanh, quyết toán các nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện:

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành huyện có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số rà soát tổng hợp nhu cầu vốn đề xuất về trên và giải pháp bảo đảm huy động đủ mức vốn tín dụng chính sách tối thiểu để thực hiện Chương trình. Đồng thời hướng dẫn thủ tục giải ngân vốn vay theo quy định;

4. Các phòng, ban ngành huyện có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được phân công phối hợp triển khai thực hiện các dự án đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số:

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương chủ động xây dựng kế hoạch 05 năm và hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn;

- Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn theo định kỳ, đột xuất;

- Chỉ đạo, phân công trách nhiệm các ban ngành cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Chương trình;

- Kiện toàn hoặc thành lập mới Ban Chỉ đạo chung các Chương trình mục tiêu quốc gia và bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo theo quy định.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Tham gia tổ chức thực hiện và giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Cầu Ngang./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (b/c);
- TT. HU, TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT. UBND huyện;
- BLĐ VP, VX;
- Các phòng, ban, ngành đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc Khmer;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG T. TRÀ VINH

Nguyễn Văn Ngà